

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2019/HNG§-ST
Ngày 27-8-2019
V/v "*Tranh chấp hôn nhân
và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Thiện

2. Ông Giáp Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2019/TLST - HNGĐ ngày 03/6/2019 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2019/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn: Ông Lê Tiến T, sinh năm 1951 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Nam Cường, xã Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

* *Bị đơn: Bà Phan Thị M, sinh năm 1970 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Chùa Ngụn, xã Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Tại đơn xin ly hôn đề ngày 21/5/2019, biên bản lấy lời khai tiếp theo, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Lê Tiến T trình bày:*

Ông và bà Phạm Thị M kết hôn năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhã Nam, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau 03 năm ở thôn Nam Cường, xã Nhã Nam. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2014 cho đến nay, không còn quan tâm tới nhau, bản thân

ông cũng đã nộp đơn lên Tòa án tháng 3 năm 2015 nhưng sau đó vợ chồng ông cũng không cải thiện được gì. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông xin được ly hôn bà M.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng ông không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông T vẫn giữ nguyên đơn xin ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà M. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung; Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung.

* Đối với bà Phan Thị M là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án bà M đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho bà M về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án nhưng bà M không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay bà Phan Thị M vắng mặt.

Tòa án cũng đã tiến hành mở phiên hòa giải nhiều lần để hòa giải về quan hệ vợ chồng, án phí nhưng bà M từ bỏ quyền lợi của mình và đều không tiến hành hòa giải được do bà M vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn ông T chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn bà M không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông T, cho ông T được ly hôn với bà M.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Ông T là đối tượng người cao tuổi được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa ông T và bà M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng

dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về tố tụng: Bà Phan Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà M.

* Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Lê Tiến T, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông Lê Tiến T và bà Phan Thị M xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Nhã Nam, huyện Tân Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy ông T và bà M sau khi về chung sống được một thời gian thì đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, bà M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2014 cho đến nay, không còn quan tâm tới nhau, bản thân ông cũng đã nộp đơn lên Tòa án tháng 3 năm 2015 nhưng sau đó vợ chồng ông cũng không cải thiện được gì. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai của bà Phan Thị Long là mẹ đẻ bà M và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương đều thấy: Ông T và bà M có mâu thuẫn nhau do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã xô sát, bà M đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, hai vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Ông T xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Ông T xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Ông T là đối tượng người cao tuổi được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lê Tiến T được ly hôn bà Phan Thị M.

[2] Về con chung: Ông T xác định không có, Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Ông T xác định không có, Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Án phí: Ông Lê Tiến T được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả ông Lê Tiến T số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0005778 ngày 31/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

[5] Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Nhã Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân